

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 9 – 2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Kim Phương.

Bà Lê Thị Chúc Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1994; CCCD số 035094011769 cấp ngày 07/7/2022.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Vũ Thị Quỳnh N** - sinh năm: 1995; CCCD số 075195010432 cấp ngày 07/7/2022.

Địa chỉ: Số I, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Anh T, chị N đều vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và chị N có quen biết tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/2021 (nay là thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn, chị N sống tại nhà cha mẹ đẻ chị N tại ấp N, xã B, huyện T, còn tôi vẫn sống tại địa chỉ xã L, huyện T. Do vợ chồng sống ở hai nơi khác nhau nên tình cảm vợ chồng không có điều kiện để vun đắp, dần dần không còn quan tâm nhau mà mạnh ai nấy sống. Năm 2021, sau khi sinh con tôi đã khuyên

chị N nhiều lần mong muốn chị N về sống cùng nhau tại nhà tôi nhưng chị N không đồng ý do chị N cho rằng phải ở nhà ngoại để thuận tiện cho công việc của chị N. Cũng từ đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng cũng nhạt dần và không có hướng khắc phục nên tôi cũng không còn khuyên nhủ và để chị N tự quyết định.

Do tôi kiên quyết quá và đã nộp đơn ly hôn lên Tòa án nên chị N có quay về nhà ở được một khoảng thời gian ngắn, tôi không biết chính xác là bao lâu do thời gian này tôi đi học và huấn luyện xa nhà. Hiện tại, chị N cũng đã về lại nhà ở tại ấp N, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, chỉ lâu lâu chị N có việc bận hoặc cuối tuần mang cháu K về gửi tại nhà nội thì tôi có gặp con nhưng không gặp chị N do tôi bận đi học. Ngoài ra, vợ chồng còn bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung nên thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã và không thống nhất được quan điểm trong công việc và cuộc sống.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Vũ An K, sinh ngày 02/9/2021. Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu K cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Hiện nay tôi làm Công an thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Ý kiến trình bày của bị đơn chị Vũ Thị Quỳnh N:** Tại bản tự khai ngày 27/8/2024 bị đơn chị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T quen biết tìm hiểu nhau khoảng gần 02 năm thì đến UBND thị trấn D đăng ký kết hôn vào ngày 24/03/2021.

Sau khi kết hôn xong thì do để tiện cho công việc tôi sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại số I, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Còn anh tương sống tại nhà cha mẹ đẻ tại xã L, vợ chồng vẫn thường xuyên qua lại giữa hai bên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tết năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có bất đồng quan điểm, tính tình không hợp xuất phát từ việc anh T có bàn bạc việc nói tôi và con chuyển về nhà chồng để ở nhưng tôi không đồng ý vì tôi mong muốn ở nhà ngoại để tiện cho việc tôi đi làm và con đi học. Từ khi chúng tôi kết hôn đến nay tôi và con ở nhà ngoại, anh T vẫn qua lại thăm con, cuối tuần tôi cũng thường đưa con về nhà nội chơi. Do anh T có thái độ cương quyết, thậm chí nộp đơn lên Tòa án nên cách đây 02 tuần tôi đã chuyển về nhà anh T để sinh sống nhưng anh T tránh mặt, không gặp tôi và con. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được cha mẹ hai bên hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được.

Nay nhận thấy bản thân vẫn còn tình cảm với chồng, vợ chồng chỉ có những lúc chưa thực sự hiểu nhau, thêm vào đó con tôi còn nhỏ cần có đầy đủ cả cha lẫn mẹ, vì vậy tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Yêu cầu Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn vợ chồng để xử lý vụ án theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Vũ An K, sinh ngày 02/9/2021. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Quỳnh N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ An K, sinh ngày 02/9/2021 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng); Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn chị Vũ Thị Quỳnh N hiện đang cư trú tại số I, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Quỳnh N tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là thị trấn D) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào

ngày 24/03/2021. Căn cứ các Điều 8, 9, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của anh T, chị N là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình làm việc tại Tòa án cả anh T, chị N đều thừa nhận thời gian vợ chồng anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do chị N mong muốn được tiếp tục sống tại nhà ngoại mà không đồng ý về sống chung cùng anh T nên vợ chồng có xảy ra bất đồng quan điểm về vấn đề này, chính vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị N cho rằng đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt và có thể khắc phục nên chị không đồng ý ly hôn vì còn thương anh T và mong muốn con cái có gia đình đầy đủ cả cha lẫn mẹ cùng nhau nuôi dạy con. Tuy nhiên chị N cũng thừa nhận thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị N đã chủ động khắc phục mâu thuẫn dọn về nhà anh T sống nhưng anh T tránh mặt không mong muốn hòa giải nên chị đã quay về nhà cha mẹ để sống, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Qua xác minh của người thân của anh chị cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã xuất hiện mâu thuẫn sau một thời gian ngắn sau khi kết hôn, vợ chồng đã thiếu sự quan tâm, yêu thương và thấu hiểu lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy chị N và anh T đều không có hướng hòa giải khắc phục mâu thuẫn, anh T có thái độ bỏ mặc mâu thuẫn xảy ra, không mong muốn việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị N đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục để đoàn tụ chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh T và chị N chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Vũ An K, sinh ngày 02/9/2021, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị N cũng đề nghị được tiếp tục nuôi con nếu tòa án giải quyết ly hôn.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân con chung do chị N nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị N đều thống nhất giao cháu K cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về việc nuôi dưỡng con.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh T và chị N đều thống nhất anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Quỳnh N.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Vũ An K, sinh ngày 02/9/2021 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời điểm kết thúc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007721 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Quỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND TT. Dầu Giây, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 29 ngày 24/3/2021);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Lan**



